

CHƯƠNG TRÌNH

Nhà vệ sinh trường học giai đoạn 2020 - 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 525 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Nhà vệ sinh (gọi tắt là nhà WC) trong trường học có tầm quan trọng trong việc đảm bảo sức khỏe cho học sinh, đây là nhu cầu cấp thiết không thể thay thế, những năm qua được sự quan tâm của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, các nhà tài trợ, các chương trình đề án, dự án và sự đóng góp của phụ huynh học sinh, nhiều nhà WC đã được cải tạo, xây mới, đảm bảo một phần nhu cầu thiết yếu cho học sinh. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, tỷ lệ nhà WC trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh chưa đạt yêu cầu, chưa đảm bảo chiếm tỷ lệ khá cao, nhiều công trình bị xuống cấp, quá tải đối với học sinh vào giờ giải lao, nhà WC xây xa khu vực học sinh, âm thấp, thiếu ánh sáng, thiếu nguồn nước, các thiết bị hư hỏng (vòi nước, bồn rửa tay, bệ tiểu, máng tiểu...); đặc biệt đối với bậc học mầm non có một số cơ sở giáo dục giáo viên còn dùng chung nhà WC với các cháu mầm non.

Vấn đề nhà WC trong trường học đã được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tại phiên họp thường kỳ vào tháng 4/2018 và nhấn mạnh, đây là việc làm rất quan trọng; đồng thời, yêu cầu ngành giáo dục khẩn trương triển khai thực hiện. Do vậy việc xây dựng Chương trình Nhà vệ sinh trường học giai đoạn 2020-2021 (gọi tắt là Chương trình) là hết sức cần thiết và cấp bách.

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

- Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều về Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Căn cứ Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường mầm non; Thông tư số 44/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Trường mầm non; Thông tư số 05/2011/TT-BGDĐT ngày 10/02/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung của Điều lệ Trường mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học;

- Căn cứ Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Căn cứ Tiêu chuẩn quốc gia Trường mầm non - Yêu cầu thiết kế (TCVN 3907 : 2011); Trường tiểu học - Yêu cầu thiết kế (TCVN 8793 : 2011), Trường trung học - Yêu cầu thiết kế (TCVN 8794 : 2011);

- Căn cứ Công văn số 917/BGGD&ĐT-CSVC ngày 11/3/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo công tác rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và rà soát nhà vệ sinh, công trình nước sạch;

- Căn cứ Công văn số 3958/UBND-GD ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh về việc rà soát, thông kê hệ thống nhà vệ sinh trường học, xuống cấp không đảm bảo yêu cầu sử dụng;

- Căn cứ Công văn số 7598/UBND-GD ngày 16/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai một số Đề án liên quan ngành Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Thông báo số 424/TB-UBND ngày 12/11/2019 về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phan Ngọc Thọ về Chương trình Nhà vệ sinh trường học.

III. THỰC TRẠNG NHÀ WC TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CỦA TỈNH

1. Số trường, số học sinh, số giáo viên tính đến tháng 9/2019:

S T T	Bậc học	Số học sinh (HS)	Số CB,GV, NV (Người)	Số trường (Trường)	Tổng số điểm trường	Trong đó		Tỷ lệ điểm trường có nhà vệ sinh (%)
						Cơ sở chính	Cơ sở lẻ	
1	Giáo dục Mầm non	53.246	6.131	186	482	186	296	100
2	Giáo dục Tiểu học	95.491	6.480	199	378	199	179	100
3	Giáo dục THCS (Có 15 trường TH+THCS)	67.493	5.237	131	142	131	11	100
4	Giáo dục THPT (Có 01 trường THCS+THPT)	37.357	2.674	36	38	36	2	100
	Cộng	253.587	20.522	552	1.040	552	488	100

2. Thực trạng nhà vệ sinh hiện có:

(Chi tiết theo Phụ lục 1, 1a, 1b, 1c, 1d đính kèm)

3. Thực trạng công tác quản lý, sử dụng nhà WC hiện nay:

- Nhiều nhà WC xây dựng đã lâu, xuống cấp, không đảm bảo quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định hiện hành.

- Nhiều cơ sở giáo dục quá tải việc sử dụng nhà WC do tăng quy mô học sinh; việc học 2 buổi/ngày làm tăng tần suất sử dụng nhà WC dẫn đến nhà WC nhanh xuống cấp.

- Công tác duy tu, bảo dưỡng, nhà WC chưa được quan tâm đúng mức và thiếu nguồn kinh phí, nên các thiết bị vệ sinh chậm hoặc không được thay thế, sửa chữa (hầm cầu, vòi nước, bồn rửa tay, bệ tiểu, máng tiểu, hệ thống bơm nước, điện...).

- Công tác quản lý của Ban Giám hiệu, nhân viên y tế trường học đối với công tác nhà WC chưa được quan tâm đúng mức, thiếu kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở. Nhiều nơi khoán trắng cho nhân viên bảo vệ trường học hoặc nhân viên tạp vụ với mức thù lao thấp; một số cơ sở giáo dục tìm cách đối phó với cấp trên khi đi thanh tra về y tế và vệ sinh trường học (làm vệ sinh rất sạch sẽ khi đoàn thanh tra đến, nhưng quay lại mốc như ban đầu khi đoàn kiểm tra, thanh tra đi khỏi trường).

- Ý thức của học sinh trong việc giữ gìn vệ sinh chung còn kém, nhà trường thiếu kiểm tra, thiếu giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh nơi công cộng cho học sinh.

- Một số nhà vệ sinh ở các trường miền núi chủ yếu dùng nguồn nước mưa hoặc nguồn nước tự chảy nên thiếu nguồn nước sử dụng khi vào mùa nắng, mùa khô.

- Một số quy định của Nhà nước còn bất cập, gây khó khăn cho các cơ sở giáo dục trong việc huy động các nguồn lực để thực hiện công tác vệ sinh trong trường học đặc biệt là nhà WC. Cụ thể, theo Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục vị trí việc làm và định mức số người làm việc thì không có nhân viên làm vệ sinh trong trường học; Nghị định 68 về hướng dẫn hợp đồng lao động có cho phép nhà trường hợp đồng để làm vệ sinh trường học, nhưng các cơ sở giáo dục không được cấp có thẩm quyền giao chỉ tiêu để hợp đồng nhân viên làm vệ sinh, nên trong dự toán ngân sách được giao hàng năm các cơ sở giáo dục không cân đối kinh phí. Bên cạnh đó Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh có quy định: “...nhà trường không được thu tiền vệ sinh lớp học, vệ sinh trường...” điều này gây khó khăn trong việc huy động xã hội hóa để thực hiện công tác nhà vệ sinh trong trường học.

IV MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

Đầu tư xây mới, cải tạo nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng hệ thống nhà WC trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế để đảm bảo nhu cầu sử dụng, đảm bảo sức khỏe cho học sinh và giáo viên.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Sửa chữa, nâng cấp duy tu, bảo dưỡng:

- Nhà (phòng) WC học sinh: 501 nhà (phòng), diện tích khoảng 8.537 m².
- Nhà (phòng) WC giáo viên: 108 nhà (phòng), diện tích khoảng 1.060 m².

b) Xây mới nhà WC nhằm đáp ứng nhu cầu:

- Nhà (phòng) WC học sinh: 88 nhà (phòng) với 451 bệ xí, diện tích khoảng 3.334 m².

- Nhà (phòng) WC giáo viên: 131 nhà (phòng) với 368 bệ xí, diện tích khoảng 3.680 m².

(Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm)

V. GIẢI PHÁP:

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa của Chương trình đến với lãnh đạo các cấp, cộng đồng xã hội.

Việc triển khai Chương trình là một trong những nội dung, điều kiện quan trọng để thực hiện Đề án Trường học kiểu mẫu đáp ứng theo tiêu chí trường học hạnh phúc, trường học thông minh, trường học xanh; đảm bảo sức khỏe, điều kiện học tập tốt cho học sinh khi tham gia học tập.

2. Huy động nguồn lực xã hội tham gia vào Chương trình.

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp cùng Sở Xây dựng, Viện nghiên cứu phát triển liên hệ, làm việc với các Tập đoàn, Công ty lớn về thiết bị, vật liệu xây dựng để đàm phán, đề nghị ký kết hợp đồng tài trợ cho Chương trình nhà vệ sinh của tỉnh.

3. Nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước.

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp các đơn vị liên quan thường xuyên chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình theo nội dung đã được phê duyệt.

4. Xây dựng cơ chế quản lý vận hành và giáo dục nâng cao nhận thức cho học sinh trong quá trình sử dụng nhà WC trường học.

- Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp các đơn vị liên quan chỉ đạo và kiểm tra các Trường xây dựng kế hoạch, chương trình phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức của học sinh trong việc sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng nhà vệ sinh trường học.

- Hàng năm, các cơ sở giáo dục phải có trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí và tiến hành bảo trì, sửa chữa nhà WC; có thể sử dụng từ các nguồn: ngân sách cấp, học phí, quỹ phát triển, nguồn xã hội hóa và từ các nguồn huy động hợp pháp khác.

- Các đơn vị trường học phải thường xuyên tuyên truyền, vận động học sinh, giáo viên nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh chung và ứng xử có văn hóa nơi

công cộng. Thường xuyên hướng dẫn cho các em cách thức sử dụng các vật dụng, thiết bị vệ sinh (đặc biệt là thiết bị hiện đại) và nâng cao ý thức bảo vệ tài sản chung.

VI. NGUỒN VỐN VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN:

1. Tổng kinh phí thực hiện Chương trình: Khoảng 101 tỷ đồng.

2. Nguồn vốn thực hiện:

a) Tỷ lệ phân chia ngân sách tỉnh và ngân sách huyện để thực hiện chương trình như sau:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% (bao gồm nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới hàng năm), ngân sách huyện (bao gồm nguồn huy động hợp pháp, xã hội hóa) đảm bảo 70% đối với các địa phương có nguồn thu cân đối lớn và số thu tiền sử dụng đất đạt trên 100 tỷ đồng/năm, gồm: thành phố Huế; thị xã Hương Thủy; huyện Phú Vang.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ 40% (bao gồm nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới hàng năm), ngân sách huyện (bao gồm nguồn huy động hợp pháp, xã hội hóa) đảm bảo 60% đối với các địa phương có nguồn thu tiền sử dụng đất đạt từ 50-100 tỷ đồng/năm, gồm: các huyện Phong Điền, Quảng Điền, Phú Lộc và thị xã Hương Trà.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ 80% (bao gồm nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới hàng năm), ngân sách huyện (bao gồm nguồn huy động hợp pháp, xã hội hóa) đảm bảo 20% đối với các huyện Nam Đông, A Lưới (2 đơn vị có nguồn thu tiền sử dụng đất và nguồn thu cân đối ngân sách khá thấp, thu cân đối và thu tiền sử dụng đất chưa đến 35 tỷ đồng/năm).

- Ngân sách tỉnh đảm bảo 100% đối với các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý.

(Chi tiết theo Phụ lục 3 đính kèm)

b) Về nguồn vốn thực hiện:

- Đối với kinh phí do tỉnh hỗ trợ (sử dụng nguồn vốn sự nghiệp (bao gồm vốn chương trình mục tiêu) và một phần từ nguồn thu tiền sử dụng đất): Giao Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bổ sung trong năm 2020 và bố trí trong dự toán năm 2021 để bổ sung cho ngân sách cấp huyện đủ theo tỷ lệ quy định (UBND huyện quyết toán vào ngân sách huyện theo quy định của Luật NSNN hiện hành).

- Đối với phần ngân sách huyện đảm bảo: Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2020, 2021 (bao gồm tăng thu tiền sử dụng đất năm 2019); một phần nguồn tăng thu thực hiện dự toán năm 2019, 2020 (sau khi trừ nguồn huy động làm lương theo quy định) để thực hiện đảm bảo đúng tiến độ và hoàn thành Chương trình trong năm 2021.

- Đối với nguồn vốn xã hội hóa và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác:

+ Giao Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Xây dựng, Viện nghiên cứu phát triển làm việc với các Tập đoàn, Công ty lớn về thiết bị, vật liệu xây dựng để đàm phán, đề nghị ký kết biên bản ghi nhớ, hợp đồng tài trợ, giảm giá thành trang thiết bị cho Chương trình nhà vệ sinh của tỉnh.

+ Hàng năm, chi phí vận hành, duy tu, bảo dưỡng hệ thống nhà WC, Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chỉ đạo vận động tham gia đóng góp tài trợ của phụ huynh học sinh trên tinh thần tự nguyện đúng quy định.

3. Thời gian thực hiện: 2020-2021.

VII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

- Chương trình thực hiện sẽ góp phần mang lại sức khỏe cho học sinh và giáo viên, đồng thời thông qua đó giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh cho học sinh ở nơi công cộng, tránh và giảm thiểu các bệnh về đường tiết niệu.

- Chương trình góp phần xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường học kiểu mẫu, trường hạnh phúc, trường học an toàn ...

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Là cơ quan quản lý, thường trực của Chương trình có nhiệm vụ phối hợp với UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế và các sở, ban ngành:

- Xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch hàng năm để thực hiện sau khi Chương trình được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn khảo sát, đánh giá, nghiên cứu xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn, mô hình thiết kế mẫu nhà vệ sinh trường học phù hợp theo từng địa bàn (nông thôn, miền núi, thành thị) và lứa tuổi của từng cấp học, đảm bảo tiên tiến, trình thẩm định, phê duyệt để thống nhất áp dụng triển khai xây dựng và quản lý trên toàn tỉnh (bao gồm các nội dung xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa và nâng cấp nhà vệ sinh).

- Chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng và các địa phương, đơn vị liên quan xây dựng quy định, cơ chế quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng nhà vệ sinh khi đưa vào sử dụng, đảm bảo khả năng, hiệu quả thực hiện.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và UBND cấp huyện tham mưu UBND tỉnh phương án phân bổ ngân sách thực hiện Chương trình và các cơ chế, chính sách về khai thác, vận hành, sử dụng hiệu quả nhà vệ sinh.

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc triển khai thực hiện Chương trình.

- Chịu trách nhiệm triển khai đối với các trường thuộc Sở quản lý.

- Nghiên cứu cơ chế huy động nguồn lực xã hội hóa để đảm bảo nguồn lực duy trì hệ thống nhà vệ sinh trường học đảm bảo vệ sinh, sạch sẽ.

- Định kì 6 tháng, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh bố trí một phần từ nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để thực hiện Chương trình.

- Quá trình thẩm định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư trường học căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn, mô hình thiết kế mẫu nhà vệ sinh trường học được phê duyệt để triển khai thực hiện, đảm bảo thống nhất trong quản lý, thi công xây dựng công trình.

3. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bổ sung phần kinh phí hỗ trợ của ngân sách tỉnh về cho ngân sách huyện.

- Chỉ đạo các chủ đầu tư quyết toán công trình theo quy định hiện hành.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc tham mưu phân bổ vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới liên quan đến Giáo dục và Đào tạo.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc tham mưu phân bổ vốn chương trình hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn, an toàn khu.

6. Sở Xây dựng:

- Chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt các tiêu chí, tiêu chuẩn, mô hình thiết kế mẫu nhà vệ sinh trường học phù hợp theo từng địa bàn (nông thôn, miền núi, thành thị) và lứa tuổi của từng cấp học, đảm bảo tiên tiến để thống nhất áp dụng triển khai xây dựng và quản lý trên toàn tỉnh (bao gồm các nội dung xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa và nâng cấp nhà vệ sinh).

- Quá trình thẩm định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, phê duyệt thiết kế thi công dự án trường học căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn, mô hình thiết kế mẫu nhà vệ sinh trường học được phê duyệt để triển khai thực hiện, đảm bảo thống nhất trong quản lý, thi công xây dựng công trình.

- Chủ trì hướng dẫn các địa phương, chủ đầu tư và đơn vị liên quan triển khai áp dụng các tiêu chí, tiêu chuẩn, mô hình thiết kế mẫu nhà vệ sinh trường học.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn các địa phương việc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất xây dựng trường, lớp học, nhà vệ sinh. Ưu tiên quỹ đất để xây dựng nhà WC trường học.

8. Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế:

- Xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch hàng năm để thực hiện sau khi Chương trình được phê duyệt.

- Quá trình tổ chức thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, thiết kế thi công dự án trường học căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn, mô hình thiết kế mẫu nhà vệ sinh trường học được phê duyệt để triển khai thực hiện, đảm bảo thống nhất trong quản lý, thi công xây dựng công trình.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan định kỳ 2 năm (hoặc hàng năm) tiến hành rà soát, đánh giá hiện trạng nhà vệ sinh trường học để có phương án xử lý kịp thời (hạn chế tối đa các trường hợp ít thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên).

- Huy động, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Chương trình, bố trí đủ nguồn lực theo tỷ lệ; thực hiện các thủ tục đầu tư liên quan đến việc đầu tư, nâng cấp, cải tạo nhà vệ sinh trường học và thực hiện hoàn thành trong năm 2021.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình trên địa bàn, báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình khi có yêu cầu.

- Chịu trách nhiệm triển khai đối với các trường do cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý.

9. Các cơ quan thông tin báo chí ở Trung ương và địa phương, tuyên truyền rộng rãi để toàn xã hội biết, cùng tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổng hợp, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình. Quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, các các sở, ngành, địa phương kịp thời phản ánh, chủ động đề xuất các biện pháp để thực hiện đồng bộ và có hiệu quả, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ